1. **DOMAIN**
   1. Ý nghĩa: domain là địa chỉ website, hay còn gọi là tên miền.
   2. Cấu trúc của domain:
      * tên miền. hậu tố (vd: google.com)
      * Sub-domain. Domain.
      * Có Top Level Domain (TLD), thành phần đứng đầu tiên từ phải qua trái, Second Level Domain (SLD), hậu tố tiếp theo.
   3. Vai trò: giúp người dùng dễ nhớ, thay cho địa chỉ IP của website, do đó domain không phải thành phần bắt buộc của 1 website.
2. **CSS**

| **Selector** | **Ví dụ** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- |
| .class | .intro | Chọn tất cả các thẻ có class=“intro” |
| .class1.class2 | .name1.name2 | Chọn tất cả các thẻ có cả name1 và name2 được đặt trong thuộc tính class của nó |
| .class1 .class2 | .name1 .name2 | Chọn tất cả các thẻ có class=“name2” là con của một phần tử có class=“name1” |
| \* | \* | Chọn tất cả các thẻ |
| element | h2 | Chọn tất cả các thẻ h2 |
| element.class | div.box | Chọn tất cả thẻ div có class=“box” |
| element, element | div, h2 | Chọn tất cả thẻ div và h2 |
| element element | div p | Chọn tất cả thẻ p trong thẻ div |
| element > element | div > p | Chọn tất cả thẻ p là con trực tiếp của thẻ div |
| element + element | div + p | Chọn thẻ p đứng liền kề sau thẻ div |
| element ~ element | div ~ p | Chọn tất cả thẻ p đứng sau thẻ div |

**%:** phụ thuộc vào thằng cha

**rem:** phụ thuộc vào html

**em:**phụ thuộc vào thẻ gần nhất chứa nó mà **có font-size**.

Trong thực tế sử dụng **rem**nhiều hơn, vì **rem**dễ kiểm soát hơn, chỉ cần sửa ở html.

1. **PSUEDO-CLASSES**

:root

:hover

:active

:first-child

:last-child

1. **PSUEDO-ELEMENT**

::before

::after

::first-letter

::first-line

::selection

1. **Background-clip:**

* **Background-clip: quyết định background sẽ fill vào đâu**
  + **Border-box**: đổ từ border vào
  + **Padding-box:** đổ từ padding vào
  + **Content-box:** đổ từ content vào

1. **Background-image:**

* **Backgound-image: url(“link”) [,url(“link)]….**
* **Background-size: % | auto | contain | cover**
* **Background-repeat:**
* **Linear-grandient().**
* **Background-position**

1. **Position:**

* **Relative:** lấy chính mình làm gốc tọa độ, không phụ thuộc vào đối tượng nào khác.
* **Absolute:** vị trí tuyệt đối, phụ thuộc vào thẻ cha gần nhất có thuộc tính position
* **Fixed:**
* **Sticky:**

1. **Xây dựng website The Band:**

* **Những thành phần thường gặp trên website:**

1. **Header**
2. **Navigation**
3. **Breadcrum: thread tree.**
4. **Sidebar**
5. **Slider**
6. **Footer**
7. **Content**